

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: ~~840~~ /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4440/QĐ-BNN-TCTL ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thủy lợi; Quyết định số 728/QĐ-BNN-CN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực chăn nuôi; Quyết định số 5581/QĐ-BNN-TCLN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 517/QĐ-BNN-KTHT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi, lĩnh vực Chăn nuôi, lĩnh vực Diêm nghiệp và lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (có danh mục kèm theo).

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 4440/QĐ-BNN-TCTL ngày 28 tháng 10 năm 2016, Quyết định số 728/QĐ-BNN-CN ngày 14 tháng 3 năm 2017, Quyết định số 5581/QĐ-BNN-TCLN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định số 517/QĐ-BNN-KTHT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại đơn vị theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Lĩnh vực Thủy lợi của Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (04 thủ tục hành chính);

- Thủ tục số 1 và 2, Mục I, phần B, lĩnh vực Nông nghiệp của Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (02 thủ tục hành chính);

- Mục II của Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung (01 thủ tục hành chính);

- Thủ tục số 1, 8 và 9 của Quyết định số 4079/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (03 thủ tục hành chính).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *t.f*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP Trần Văn Đông,
P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT. *f*

2



Trần Thanh Đức

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TIỀN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP					
01	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh - BNN-TGG-288248	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cckl@tiengiang.gov.vn ; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn .	Không	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
02	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác - BNN-TGG-288249	Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cckl@tiengiang.gov.vn ; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn .	Không	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
03	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR năm	- Trong thời hạn 28,5 ngày đối với trường hợp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường	Không	- Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

	trong phạm vi một tỉnh) - BNN-TGG-288251	định; - Trong thời hạn 30 ngày đối với nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng	bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cckl@tiengiang.gov.vn ; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn .		- Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
--	---	--	---	--	---

II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale – CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, Môi	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.ccty@tiengiang.gov.vn hoặc cctytiengiang@gmail.com ;	Không	- Thông tư số 19/2011/TT-BNNPINT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 (Thông
---	---	--	---	-------	--

	trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi - BNN-TGG-287857		hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.		tư số 19/2011/TT-BNNPTNT); - Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT).
2	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale – CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phối, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi - BNN-TGG-287858	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.ccty@tiengiang.gov.vn hoặc cctytiengiang@gmail.com; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.	Không	- Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT.

III. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc rừng sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW - BNN-TGG-288199	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.	Không	- Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN); - Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 (Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT).
2	Cấp giấy phép cho hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau: a) Các loại xe mô tô hai bánh,	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;	Không	- Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN; - Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT.

	<p>xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật;</p> <p>b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có trọng tải, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi</p>		<p>hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.</p>		
3	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - BNN-TGG-288205</p>	<p>- Đối với hoạt động quy định tại khoản 2: thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.</p> <p>- Đối với hoạt động quy định tại khoản 3, khoản 5: thời hạn cấp giấy phép là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.ctl@tiengiang.gov.vn; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.</p>	Không	<p>- Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN;</p> <p>- Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT.</p>

		- Đối với hoạt động quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8: thời hạn cấp giấy phép là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.			
4	Cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng kho, bến bãi, bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; chôn phế thải, chất thải - BNN-TGG-288214	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.	Không	- Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN; - Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT.
5	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m ³ /ngày đêm.	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.	Không	- Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Quyết định số 56/2004/QĐ-

					BNN); - Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT.
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m3/ngày đêm - BNN-TGG-288245	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.	Không	- Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN; - Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT.

IV. LĨNH VỰC ĐIỂM NGHIỆP

1	Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: 01 (một) ngày làm việc. - Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ đầy đủ: 01 (một) ngày làm việc. - Thời hạn bổ sung hồ sơ: 10 (mười) ngày làm việc.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương - Phường 10 - Mỹ Tho - Tiền Giang) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email: snnptnt.ccqlc@tiengiang.gov.vn; hoặc đăng ký trực tuyến: motcua.tiengiang.gov.vn.	Không	Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.
---	---	---	---	-------	--

